TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2024/DS - PT
Ngày: 04 - 9 - 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Trung

Ông Phạm Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bé Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024 tại điểm cầu Trung tâm Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè. Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai trực tuyến vụ án thụ lý số: 187/2024/TLPT-DS ngày 11 tháng 7 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất"*. Công chức Tòa án hỗ trợ tại điểm cầu thành phần là bà Nguyễn Thị Kim T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2024/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 80/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 151/2024/QĐ-PT, ngày 23 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đoàn Văn T1, sinh năm 1951 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông Đoàn Văn T1: Ông Lý Bình Đ, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số F N, khóm D, phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, theo Văn bản ủy quyền ngày 27/02/2023 (có mặt).

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông Đoàn Văn T1: Ông Phạm Minh L – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Đoàn Thanh T2, sinh năm 1980 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đoàn Thị Ngọc H, sinh năm 1989 (xin vắng mặt)

2. Anh Lê Thanh T3, sinh năm 1988 (xin vắng mặt)

3. Ông Đoàn Thanh H1, sinh năm 2003 (xin vắng mặt)

4. Ông Đoàn Thanh T4, sinh năm 1981 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông Đoàn Thanh T4: Ông Lý Bình Đ, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số F N, khóm D, phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, theo văn bản ủy quyền ngày 27/02/2023. (có mặt).

5. Bà Đoàn Thị D, sinh năm 1983 (xin vắng mặt)

6. Bà Lê Thị Cẩm G, sinh năm 1986 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

7. Ngân hàng N – Chi nhánh huyện C (xin vắng mặt)

8. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh (xin vắng mặt)

9. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C (xin vắng mặt)

10. Bà Đặng Thị H2, sinh năm 1958 (chết ngày 10/7/2022)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Đặng Hoàng :

- Ông Đoàn Văn T1, sinh năm 1951 (có mặt)

- Ông Đoàn Thanh T2, sinh năm 1980 (xin vắng mặt)

- Bà Đoàn Thị Ngọc H, sinh năm 1989 (xin vắng mặt)

- Ông Đoàn Thanh T4, sinh năm 1981 (có mặt)

- Bà Đoàn Thị D, sinh năm 1983 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo*: Ông Đoàn Văn T1 là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đoàn Văn T1 là nguyên đơn trình bày: Thửa đất 95, diện tích 3.772,8m2, tờ bản đồ số 55, tọa lạc ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc là của vợ chồng ông T1, bà Đặng Thị H2 nhận chuyển nhượng của ông Hai B (hiện nay đã chết) vào khoảng năm 1987 – 1988, tổng diện tích khoảng 20 công; lúc nhận chuyển nhượng thì ông Hai B chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2006 do không rành thủ tục hành chính và không nhớ số thửa, diện tích đất nên ông T1 để cho vợ là bà Đặng Thị H2 cùng

con là ông Đoàn Thanh T2 đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận cho hộ ông Đoàn Thanh T2. Đến năm 2009, ông T2 tiến hành tách thửa trong đó có thửa 95, tờ bản đồ số 55, diện tích 3.772,8m^2. Năm 2010 ông T2 là thủ tục tặng cho thửa 95, tờ bản đồ số 55, diện tích 3.772,8m^2 và ông T1 đại diện hộ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2018, ông T2 làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất thửa 95 trên cho ông T2**.** Tuy nhiên, trước đây khi ký hợp đồng tặng cho thì ông T1 chỉ tặng cho ông T2 1000m^2 nhưng ông T2 làm hợp đồng tặng cho toàn bộ diện tích 3.772,8m^2, thửa 95. Ông T1 thừa nhận có lên Ủy ban nhân dân xã H ký hợp đồng tặng cho nhưng không có trình bày gì với Ủy ban nhân dân xã. Ngoài ra, vào khoảng năm 2017, ông T1 có cho chị Đoàn Thị Ngọc H (con ruột ông T1) 03 liếp đất, diện thích khoảng 3.000m^2 (khoảng 03 công), trong đó có 01 liếp đất, diện tích khoảng 1.000m^2 thuộc thử 95; chị H sử dụng được khoảng 02 năm (2017 – 2019) thì ông T2 lấy lại đất và không cho chị H tiếp tục sử dụng. Nay ông Đoàn Văn T1 yêu cầu Tòa án gải quyết: Hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Đoàn Văn T1 và ông Đoàn Thanh T2 ngày 03/4/2018 đối với phần đất diện tích 3.772,8m^2, thuộc thửa 95, tờ bản đồ số 55, đất tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 3.772,8m^2, thuộc thửa 95, tờ bản đồ số 55, đất tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Buộc ông Đoàn Thanh T2 phải trả lại cho ông phần đất diện tích 2475,2m^2 và đồng ý cho ông T2 phần diện tích đất ký hiệu B, diện tích 1297,5m^2 thuộc thửa 95, tờ bản đồ số 55, 3.772,8m^2 đất tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Đối với tài sản trên diện tích 1297,5m^2 mà ông cho ông T2 thì ông đồng ý cho ông T2 hưởng, về tài sản trên đất ông yêu cầu ông T2 trả lại trên diện tích 2.772,8m^2 thì ông yêu cầu ông T2 di dời, ông không hỗ trợ chi phí di dời.

Bị đơn, ông Đoàn Thanh T2 trình bày: Ông T2 có thửa đất 95, tờ bản đồ số 55, diện tích 3.772,8m^2 đất tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nguồn gốc đất là của cha, mẹ ông là ông Đoàn Văn T1 và bà Đặng Thị H2 nhận chuyển nhượng của ông Hai B (hiện nay đã chết) diện tích tầm 18 – 19 công.. Năm 2006, ông T1, bà H2 cho ông T2 phần diện tích đất khoảng 09 công và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông T2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 72, tờ bản đồ số 55, diện tích 9.774m^2 vào năm 2006. Năm 2009, ông T2 tiến hành tách 02 thửa trong đó có thửa 95, tờ bản đồ số 55 diện tích 3.772,8m^2. Năm 2010 ông T2 làm thủ tục tặng cho ông T1 thửa 95, tờ bản đồ số 55 diện tích 3.772,8m^2, ông T1 đại diện hộ đứng tên trên giấy chứng nhận. Năm 2018 ông T1, bà Hoàng t cho toàn bộ thửa 95 diện tích 3.772,8m^2 cho ông T2. Khi làm hợp đồng tặng cho, ông T1, bà H2 lên UBND xã H ký tên và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C điều chỉnh giấy chứng nhận sang tên ông T2 cho đến nay. Nay ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn T1.

Ông Đoàn Thanh T4 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người kế thừa quyền,nghĩa vụ tố tụng của bà Đặng Thị H2 trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của ông Đoàn Văn T1, ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Bà Đoàn Thị Ngọc H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Đặng Thị H2 có lời khai trình bày: Việc cha, mẹ của bà là ông Đoàn Văn T1 và bà Đặng Thị H2 ký tên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất bà hoàn toàn không biết, thời điểm ký hợp đồng bà vẫn còn có tên trong sổ hộ khẩu của ông T1. Trước đây ông T1 có cho bà 01 công đất, diện tích đất khoảng 1000m^2 thuộc thửa 95, tờ bản đồ số 55 diện tích 3.772,8m^2 để bà H sử dụng; đến năm 2019 thì ông T2 lấy đất và không cho bà H sử dụng nữa. Nay bà thống nhất ý kiến với ông Đoàn Văn T1, đối với việc ông T2 chặt cây thì bà không có yêu cầu bồi thường gì, bà H cũng không có yêu cầu gì đối với công sức đóng góp, tu bổ cải tạo trong thời gian H sử dụng đất.

Bà Đoàn Thị D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Đặng Thị H2 trình bày: Việc ông T1, bà H2 lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa 95, tờ bản đồ số 55 diện tích 3.772,8m^2 cho ông T2 bà không biết, bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông T1, bà không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện C có ý kiến: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đoàn Thanh T2 ngày 03/4/2018 đối với phần đất diện tích 3.772,8m^2, thuộc thửa 95, tờ bản đồ số 55, đất tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh là đúng theo quy định của pháp luật về đất đai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C có ý kiến: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C thực hiện xác nhận, chỉnh lý biến động tặng cho vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất ngày 10/4/2018 cho ông Đoàn Thanh T2 là đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về đất đai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N – Chi nhánh huyện C có lời khai trình bày: Ngân hàng N – Chi nhánh huyện C có cho ông Đoàn Thanh T2 vay vốn số tiền 380.000.000 đồng, tại Hợp đồng tín dụng số 7403 – LAV – 202202152 ngày 14/6/2022, khi vay ông T2 có thế chấp thửa đất số 72, tờ bản đồ số 55, diện tích 6.001,2m^2, không thuộc phạm vi đất tranh chấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2024/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè đã quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn T1 về việc yêu cầu hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Đoàn Văn T1, bà Đặng Thị H2 với ông Đoàn Thanh T2 ngày 03/4/2018 đối với phần đất diện tích 3.772,8m^2, thuộc thửa 95, tờ bản đồ số 55, đất tọa lạc tại ấp A, xã H,

huyện C, tỉnh Trà Vinh; Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã chỉnh trang 3 cho ông Đoàn Thanh T2 ngày 10/4/2018 đối với phần đất diện tích 3.772,8m^2, thuộc thửa 95, tờ bản đồ số 55, đất tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh để trả lại cho ông Đoàn Văn T1 phần đất diện tích theo kết quả khảo sát đo đạc thực tế là 2475,2m^2, thuộc thửa 95, tờ bản đồ số 55, diện tích 3.772,8m^2, tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh và di dời tài sản trên đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí thẩm định, định giá, lệ phí giám định và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, nguyên đơn ông Đoàn Văn T1 kháng cáo Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Lý Bình Đ không rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữ nguyên đơn kháng cáo của nguyên đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng: Ông Đoàn Văn T1 chỉ cho ông Đoàn Thanh T2 diện tích 1.000m^2 chứ không cho toàn bộ thửa đất 95. Khi ông T2 chở ông T1 đến UBND xã H hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, do ông T1 lớn tuổi nên không biết được khi làm hợp đồng tặng cho là tặng cho nguyên thửa đất 95. Ngoài ra, ông T1 có cho con gái là bà Đoàn Thị Ngọc H diện tích 1.000m^2 trong thửa 95 này, bà H sử dụng phần đất này đến khi ông T2 được đứng tên thửa đất 95 ông T2 mới lấy lại; bà H là thành viên trong hộ nhưng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất không có chữ ký của bà H nên hợp đồng tặng cho này không đúng pháp luật. Do đó, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T1, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T1.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, vị Kiểm sát viên cho rằng: Ngày 03/4/2018, ông Đoàn Văn T1, bà Đặng Thị Hoàng l hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất 95 cho ông Đoàn Thanh T2, hợp đồng này được UBND xã H chứng thực và ông T2 đã được đứng tên quyền sử dụng đất thửa đất này. Việc ông T1 cho rằng ông chỉ cho ông T2 diện tích 1.000m^2 chứ không phải cho toàn bộ thửa đất 95 nhưng ông T1 không có chứng cứ gì chứng minh. Đối với bà H, mặc dù bà H là thành viên trong hộ ông T1 nhưng về nguồn gốc đất là của ông T1, bà H2 nhận chuyển nhượng của ông hai B, bà H không có công sức tạo lập phần đất này nên ông T1, bà Hoàng t cho phần đất này cho ông T2 là đúng quy định pháp luật. Do đó, đề

nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Đoàn Văn T5 vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt; một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Đây là phiên tòa mở lần thứ hai nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đương sự trên.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Đoàn Văn T1, Hội đồng xét xử xét thấy: Thửa đất thửa 95, diện tích 3.772,8m^2, tờ bản đồ số 55, tọa lạc ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, có nguồn gốc là của vợ chồng ông Đoàn Văn T1 và bà Đặng Thị H2 mua của ông Hai B, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các đương sự trong vụ án đều thừa nhận việc này. Ngày 03/4/2018, ông T1, bà Hoàng l hợp đồng tặng cho thửa đất trên cho ông Đoàn Thanh T2 và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất trên sang tên ông T2. Theo nội dung hợp đồng tặng cho trên thể hiện ông T1, bà H2 tự nguyện tặng cho ông T2 toàn bộ diện tích 3.772,8m^2 của thửa đất 95. Tại Kết luận giám định số: 653/KL-KTHS ngày 07/12/2022 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Chữ ký mang tên Đoàn Văn T1 trên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, chứng thực ngày 03/4/2018 so với chữ ký của Đoàn Văn T1 trên các mẫu tài liệu so sánh là do cùng một người ký ra (BL 179 - 180); sau khi có kết luận giám định ông T1 cũng thừa nhận chữ ký trong hợp đồng tặng cho ngày 03/4/2018 là của ông và của bà H2. Như vậy, thửa đất 95 trên là của vợ chồng ông T1, bà H2; ông T1, bà H2 đã tự nguyện tặng cho ông T2 và ông T2 đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất trên sang tên ông T2. Do đó, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 03/4/2018 đối với thửa đất 95 giữa ông Đoàn Văn T1, bà Đặng Thị H2 với ông Đoàn Thanh T2 đã có hiệu lực pháp luật. Đối với việc ông T1 cho rằng ông chỉ tặng cho ông T2 diện tích 1.000m^2 trong thửa đất 95 nhưng ông không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày này của ông. Từ những chứng cứ và phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T1 là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, như nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đoàn Văn T1 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông T1.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Đoàn Văn T1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2024/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ các Điều 116, 117, 118, 119, 457, 459, 500, 501, 502, 503 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 95, 166, 167, 168, 169, 179, 188 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn T1: Yêu cầu hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Đoàn Văn T1, bà Đặng Thị H2 và ông Đoàn Thanh T2 ngày 03/4/2018 đối với phần đất diện tích 3.772,8m^2, thuộc thửa 95, tờ bản đồ số 55, tọa lạc ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã chỉnh trang 3 cho ông Đoàn Thanh T2 ngày 10/4/2018 đối với phần đất diện tích 3.772,8m^2, thuộc thửa 95, tờ bản đồ số 55, tọa lạc ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Yêu cầu ông Đoàn Thanh T2 di dời tài sản trên đất trả lại cho ông Đoàn Văn T1 phần đất diện tích 2475,2m^2, thuộc thửa 95, tờ bản đồ số 55, diện tích 3.772,8m^2, tọa lạc ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Đoàn Văn T1.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và

9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Hùng